

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 7 năm 2022

“ *V/v ly hôn, nuôi con chung* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thuỷ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chử - Cán bộ hưu trí

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Hội phụ nữ huyện

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án huyện Ân Thi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (*vắng mặt*)

HKTT: thôn Đ, xã H, huyện Ân Thi, Hưng Yên

Hiện trú tại: xóm 2, thôn X, xã D, huyện Ân Thi, Hưng Yên

- *Bị đơn:* anh Phùng Văn Q, sinh năm 1979 (*vắng mặt*)

Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện Ân Thi, Hưng Yên

- *Người có quyền lợi liên quan:* Cháu Phùng Thị Mai M, sinh năm 2018

- *Đại diện hợp pháp của cháu M:* Chị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của chị H trong quá trình tố tụng thể hiện:

Chị H và anh Q có thời gian tìm hiểu và đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 04/04/2017. Sau cưới chị H về nhà anh Q chung sống cùng gia đình khoảng 1 năm thì ra ở riêng tại xưởng cơ khí của anh Q ở cống Đ, xã H. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc và có một con chung tên Phùng Thị Mai M, sinh năm 2018. Sau đó vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh Q tính tình không hợp nhau, anh Q là người gia trưởng, không quan tâm đến vợ con. Bên cạnh đó anh Q không tu chí làm ăn khiến kinh tế gia đình sa sút, ngoài ra anh Q còn ham chơi mang nợ về nhà để chủ nợ đến tận nhà đòi. Đỉnh điểm tháng 4/2019 hai vợ chồng cãi nhau sau đó chị bỏ về nhà đẻ ở D ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, cuộc sống của ai người đó lo không ai quan tâm đến ai, không liên

lạc gì với nhau. Từ khi ly thân anh Q cũng không qua lại hay hỏi han gì vợ con. Nay chị xác định hôn nhân không hạnh phúc, thời gian ly thân đã 3 năm, để ổn định cuộc sống chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phùng Thị Mai M, sinh năm 2018. Khi vợ chồng ly thân chị đưa cháu đi ở cùng chị, nếu vợ chồng ly hôn, chị đề nghị nuôi được nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh Phùng Văn Q đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng anh không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và theo lời khai của chị Phùng Thị Mến là chị gái của anh Q thì hiện tại anh Q đang đi làm ăn xa, ít khi về nhà, những lần Tòa án triệu tập chị Mến đều thông báo cho anh Q biết. Theo chị Mến cho biết: vợ chồng anh Q, chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn không được nên hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị H không biết đối nhân xử thế nên vợ chồng ngày càng bất hoà. Đầu năm 2019 chị H tự bế con về nhà để ở D sống ly thân. Khi vợ chồng H- Q mâu thuẫn gia đình có hoà giải nhưng không được. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 không ai quan tâm đến ai. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì gia đình cũng không ai muốn nhưng vấn đề này của anh Q và chị H nên anh chị ấy tự quyết định. Việc chị H có đơn ly hôn anh Q biết và nhất trí ly hôn. Về con chung của hai vợ chồng như chị H trình bày là đúng và gia đình cũng như anh Q đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu M đến khi trưởng thành.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thoa- mẹ đẻ của chị H cho biết: sau khi kết hôn thì H về ngay nhà Q sống và chuyển cả hộ khẩu về. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường và hạnh phúc. Hai vợ chồng có 01 con chung là Phùng Thị Mai M, sinh ngày 24/4/2018. Khi vợ chồng có con thì vợ chồng cũng rạn nứt, Q không quan tâm vợ con, chơi bời nên kinh tế gia đình sa sút. Hai vợ chồng mâu thuẫn; Khi trước thì H tự quyết tiến tới hôn nhân nên khi vợ chồng mâu thuẫn H cũng không dám kể nhiều với bà. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà cũng có khuyên H nhưng mâu thuẫn hai vợ chồng không giải quyết được và cố chấp không ở được với nhau. Ngày 01/4/2019 khi cháu M chưa được 1 tuổi thì H ly thân và về nhà sống với bà từ đó đến nay. Chị H có đơn ly hôn, bà để vợ chồng anh chị tự quyết định.

Xác minh tại UBND xã H được biết: Anh Q và chị H đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã vào 04/4/2017. Sau khi kết hôn chị Hoàng về sinh sống cùng nhà anh Q. Quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Q như thế nào UBND xã không nắm được. Về con chung: hai vợ chồng chị H có một con chung là cháu Phùng Thị Mai M, sinh ngày 24/4/2018 có đăng ký khai sinh tại UBND xã. Nay chị H có đơn xin ly hôn, UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS như:

- Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

- Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng tại Điều 68 BLTTDS;

- Xác minh, thu nhập chứng cứ và lấy lời khai của đương sự đúng quy định từ các Điều 93 đến 99 BLTTDS.

- Thông báo thụ lý được gửi cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định Điều 195, 196 BLTTDS;

- Thẩm phán đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định từ các Điều 208 đến 211 BLTTDS;

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định theo Điều 203 BLTTDS;

- Về việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

- Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 15, Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS. khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H: xử cho chị H được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phùng Thị Mai M, sinh ngày 24/4/2018. Giao con chung cháu M cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên; anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm lom con chung không được ai ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh luận và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu xin ly hôn anh Phùng Văn Q cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện Ân Thi, Hưng Yên và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Chị H và anh Q xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2017, đảm bảo các điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời khai của chị H và lời khai của những người làm chứng là chị Mến và bà Thoa thì quá trình chung sống với nhau chị H và anh Q có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì chị H và những người làm chứng đưa ra tuy có khác nhau nhưng có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H kiên quyết ly hôn, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến để hoà giải, nhưng anh Q đều vắng mặt điều đó phần nào thể hiện anh Q không có nguyện vọng và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H, anh Q có một con chung là Phùng Thị Mai M, sinh năm 2018. Vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị nuôi được nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi vợ chồng ly thân, cháu M ở với mẹ và chủ yếu việc nuôi dưỡng chăm sóc cháu M do chị H đảm nhiệm, hơn nữa hiện cháu M vẫn còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, anh Q thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện chăm sóc con chung nên sẽ giao cháu M cho chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng đến khi thành niên để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu. Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này anh Q có yêu cầu về vấn đề tài sản chung, công nợ, công sức, thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Phùng Văn Q

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phùng Thị Mai M sinh năm 2018 đến khi thành niên. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Sau khi ly hôn, anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết

Nếu sau này anh Q có yêu cầu về vấn đề tài sản chung, công nợ, công sức, thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003756 ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận

- VKS huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- THA;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ